

**PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH
THẠC SĨ KINH DOANH QUỐC TẾ
THẠC SĨ TIN HỌC VÀ KỸ THUẬT MÁY TÍNH**

I. DANH MỤC CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN THĂNG

STT	Tên chuyên ngành đào tạo	Sinh viên theo học ngành đúng, ngành phù hợp tại các đơn vị thành viên của ĐHQGHN	
		Ngành đúng	Ngành phù hợp
1	ThS. Quản trị tài chính		- Tài chính - Ngân hàng - Kế toán - Phân tích - Kiểm toán - Kinh doanh quốc tế (định hướng tài chính)
2	ThS. Kinh doanh quốc tế	- Kinh doanh quốc tế	- Kinh tế quốc tế - Quản trị kinh doanh - Kinh tế phát triển
3	ThS. Tin học và kỹ thuật máy tính	- Tin học và Kỹ thuật máy tính	- Công nghệ thông tin - Khoa học máy tính - Kỹ thuật máy tính - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

II. PHƯƠNG ÁN XÉT TUYỂN

1. **Chỉ tiêu tuyển sinh: 30 học viên** (theo chỉ tiêu đã được ĐHQGHN phê duyệt)
2. **Lịch tuyển sinh dự kiến**

STT	Công việc	Đợt 1	Đợt 2
1	Nhận hồ sơ	Từ 8h00 ngày 14/02/2022 đến 17h00 ngày 08/4/2022	Từ 8h00 ngày 05/5/2022 đến 17h00 ngày 30/8/2022
2	Đánh giá hồ sơ ứng viên	Trước 17h00 ngày 11/4/2022	Trước 17h00 ngày 08/9/2022
3	Tổ chức xét tuyển thăng và báo cáo kết quả cho ĐHQGHN	Trước ngày 11/4/2022	Trước ngày 10/9/2022
4	Thông báo danh sách phỏng vấn	Trước 17h00 ngày 21/04/2022	Trước 17h00 ngày 22/09/2022

STT	Công việc	Đợt 1	Đợt 2
5	Tổ chức thi viết luận và phỏng vấn thí sinh	Trước ngày 28/04/2022	Trước ngày 29/09/2022
6	Tổng hợp kết quả xét tuyển và thông báo	Trước ngày 06/05/2022	Trước ngày 04/10/2022
7	Đề nghị điểm trúng tuyển	Trước ngày 14/05/2022	Trước ngày 08/10/2022
8	ĐHQGHN quyết định điểm trúng tuyển	Trước ngày 21/05/2021	Trước ngày 15/10/2021
9	Triệu tập thí sinh trúng tuyển	Trước ngày 27/05/2022	Trước ngày 28/10/2022
10	Nhập học chính thức	Trước ngày 20/06/2022	Trước ngày 21/11/2022
11	Đề nghị công nhận học viên	Trước ngày 24/06/2022	Trước ngày 26/11/2022
12	Báo cáo tuyển sinh	Trước ngày 30/06/2022	Trước ngày 30/11/2022

(*Lịch tuyển sinh được lập trong điều kiện dịch bệnh được kiểm soát tốt và mọi hoạt động xã hội diễn ra bình thường)

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển (bao gồm xét hồ sơ, viết luận và phỏng vấn)

Căn cứ đề án Thạc sĩ Quản trị tài chính được phê duyệt theo Quyết định số 218/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Căn cứ đề án Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế được phê duyệt theo Quyết định số 4242/QĐ-ĐHQGHN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Căn cứ đề án Thạc sĩ Tin học và kỹ thuật máy tính được phê duyệt theo Quyết định số 2693/QĐ-ĐHQGHN ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Quốc tế đã triển khai công tác tuyển sinh. Căn cứ vào hiệu quả của các đợt tuyển sinh trước đó với mục tiêu đảm bảo chất lượng tuyển sinh đầu vào cho chương trình thạc sĩ Quản trị tài chính, thạc sĩ Kinh doanh quốc tế và thạc sĩ Tin học và kỹ thuật máy tính, Trường Quốc tế đề xuất Đại học Quốc gia Hà Nội cho phép Trường tiếp tục thực hiện hiện phương án tuyển sinh cụ thể như sau:

- Ứng viên đăng ký xét tuyển tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> (công đăng kí tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN) và thực hiện đăng kí dự thi trực tuyến theo hướng dẫn.

- Ứng viên hoàn thiện hồ sơ theo mẫu của Trường Quốc tế và nộp trực tiếp tại văn phòng Trường Quốc tế. Ứng viên có thể tải bộ hồ sơ từ website hoặc nhận hồ sơ trực tiếp tại văn phòng Trường Quốc tế.

- Xét tuyển bao gồm:

+ Thẩm định hồ sơ

+ Viết luận: Bài viết luận xử lý tình huống ngắn gọn này có thể đánh giá sự nắm vững và ứng dụng kiến thức chuyên môn của thí sinh trong công việc, khả năng tư duy logic, phân tích phê phán và giải quyết vấn đề của thí sinh cũng như khả năng đáp ứng của thí sinh đối với chương trình.

+ Phỏng vấn: Hội đồng tìm hiểu thí sinh về các vấn đề liên quan như kinh nghiệm, khả năng ứng biến, mục tiêu theo học, thái độ tham gia dự tuyển,...

4. Tổ chức tuyển sinh

4.1. Thành lập các Hội đồng:

Hội đồng tuyển sinh sau đại học, Hội đồng phỏng vấn và Ban Thư ký của HĐTS chương trình thạc sĩ Quản trị Tài chính, thạc sĩ Kinh doanh quốc tế và thạc sĩ Tin học và kỹ thuật máy tính được thành lập và hoạt động theo Quy chế của BGD&ĐT và của ĐHQGHN trong văn bản số 1080/QĐ-ĐHQGHN ngày 20 tháng 4 năm 2016 ban hành Quy chế tạm thời về công tác tuyển sinh sau đại học tại ĐHQGHN và Hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ của CTĐT (lưu ý các khóa đào tạo thạc sĩ tuyển sinh từ năm 2022 có chuẩn đầu ra đối với trình độ ngoại ngữ đạt từ Bậc 4 trở lên hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam);

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

b. Ngành phù hợp là ngành đào tạo trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp CTĐT thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của CTĐT thạc sĩ; Các đơn vị căn cứ CTĐT thạc sĩ quy định cụ thể những trường hợp phải hoàn thành bổ sung kiến thức trước khi công nhận học viên. Đối với các ngành quản trị và quản lí, đào tạo theo chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng, ngành phù hợp ở trình độ đại học gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lí.

c. Ứng viên đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ của chương trình dự tuyển được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

(i) Có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam khi nhập học và có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam khi bắt đầu học

các học phần chuyên môn (khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành) do cơ sở đào tạo trong nước cấp được công nhận ở ĐHQGHN hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương khác (còn trong thời hạn có giá trị) theo phụ lục 1 và phụ lục 2.

(ii) Có bằng đại học một trong các loại sau: ngành tiếng Anh; chương trình tiên tiến học bằng tiếng Anh theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam; bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận; chương trình song bằng học bằng tiếng Anh có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng; chương trình đào tạo chuẩn quốc tế học bằng tiếng Anh, chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo chất lượng cao học bằng tiếng Anh của Đại học Quốc gia Hà Nội.

(iii) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong học tập là tiếng Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

(iv) Ứng viên đã tốt nghiệp Trường Quốc tế được miễn chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) khi đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo sau đại học của Trường nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

- Chương trình đào tạo trình độ đại học tại Trường Quốc tế yêu cầu điều kiện ngoại ngữ đầu vào tối thiểu là tiếng Anh tương đương bậc 4/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) và sử dụng tiếng Anh trong suốt quá trình đào tạo chuyên môn tại Trường.

- Ứng viên tốt nghiệp bậc đại học của Trường Quốc tế trong thời hạn 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển đào tạo sau đại học vào Trường.

(v) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển CTĐT thạc sĩ và thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học;

(vi) Ứng viên là người nước ngoài mà tiếng Anh là bản ngữ hoặc một trong các ngôn ngữ chính.

Ghi chú: Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

4.3. Ngân hàng đề thi

- Trường chuẩn bị ngân hàng đề thi phù hợp với từng chuyên ngành. Các câu hỏi bao gồm câu hỏi về kiến thức chung, câu hỏi phù hợp với phạm vi kiến thức cho từng chuyên ngành đào tạo và câu hỏi đánh giá động cơ học tập, năng lực tư duy và tính phù hợp với chương trình.

- Quy trình ra đề thi: thực hiện theo quy định về Công tác làm đề thi trong Quy chế tạm thời về công tác tuyển sinh SDH của ĐHQGHN.

4.4. Cơ sở vật chất, thiết bị

- Chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật phục vụ thi tuyển bao gồm: phòng ốc, thiết bị lưu trữ dữ liệu, thiết bị kỹ thuật phục vụ trong phòng phỏng vấn như: máy tính, máy ghi âm, mic,...

- Khu vực thi phải được bố trí đảm bảo trật tự, an toàn, yên tĩnh. Trường bố trí có 02 hệ thống phòng phục vụ công tác xét tuyển: (i) Phòng thi viết đề thí sinh nhận thẻ dự thi, nghe phổ biến quy trình tổ chức xét tuyển, làm bài viết và chờ đến lượt phỏng vấn. (ii) Phòng phỏng vấn để các thành viên Hội đồng phỏng vấn chấm bài viết xử lý tình huống và phỏng vấn trực tiếp thí sinh.

4.5. Tiêu chí đánh giá thí sinh

a. Đánh giá hồ sơ (30 điểm):

- Các tiêu chí đánh giá quá trình đào tạo (20 điểm): kết quả học tập của học viên, khen thưởng và các thành tích học tập nổi bật, quá trình tích lũy kiến thức..., cụ thể:

TT	Hệ đào tạo và xếp loại tốt nghiệp	Mức điểm	Ghi chú
1	Hệ đào tạo	10	
	- Chính quy, bằng đại học chính quy của cơ sở đào tạo nước ngoài, chính quy liên kết quốc tế (4 hoặc 5 năm liên tục)	10	
	- Chính quy liên thông (2+2 hoặc 3+2 năm)	9	
	- Tại chức (4 hoặc 5 năm liên tục)	8	
	- Tại chức liên thông (2+2 hoặc 3+2 năm)	7	
	- Từ xa, mở rộng	5	
2	Loại tốt nghiệp	5	
	- Xuất sắc	5	
	- Giỏi	4.5	
	- Khá	4	
	- Trung bình khá	3.5	
	- Trung bình	2.5	
	Tổng cộng (1+2)	15	

- Kinh nghiệm công tác (5 điểm): thí sinh có từ 3 năm thâm niên trở lên.

- Tiêu chí về ngoại ngữ (Tiếng Anh) (10 điểm): đánh giá năng lực ngoại ngữ của thí sinh trên cơ sở văn bằng, chứng chỉ về trình độ ngoại ngữ, cụ thể:

TT	Chứng chỉ và văn bằng	Mức điểm	Ghi chú
1	Chứng chỉ TOEFL iBT từ 45 - 93 điểm, IELTS từ 5.0, TOEIC 4 kỹ năng (tối thiểu đạt Reading 385, Listening 400, Speaking 160, Writing 150), hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương khác	10	
2	Bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài học bằng tiếng Anh	10	

TT	Chứng chỉ và văn bằng	Mức điểm	Ghi chú
3	Bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh	10	
4	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển CTĐT thạc sĩ và thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học	9	
5	Chứng chỉ trình độ tiếng Anh B2, Aptis tương đương B2 (bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam)/ Thí sinh tốt nghiệp đại học tại Trường Quốc tế trong thời hạn 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển	9	
6	Chứng chỉ trình độ tiếng Anh B1 (bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam)	7.5	

Thí sinh phải hoàn thiện các minh chứng kèm theo hồ sơ dự thi để Hội đồng đánh giá hồ sơ chấm hồ sơ trước khi phỏng vấn.

b. Đánh giá bài viết (45 điểm): Thí sinh làm bài viết luận trong thời gian 45 phút trước khi vào phỏng vấn, bóc thăm theo các câu hỏi tình huống. Hội đồng phỏng vấn sẽ đánh giá bài viết của thí sinh qua một số tiêu chí sau:

- Kiến thức chuyên môn về ngành dự thi (20 điểm)
- Kiến thức thực tiễn, kinh nghiệm của thí sinh thể hiện trong bài viết (12 điểm)
- Cách xử lý tình huống đưa ra trong các tình huống/câu hỏi đã cho (9 điểm)
- Cách trình bày bài luận logic, hợp lý (4 điểm)

c. Phần thi phỏng vấn (25 điểm). Các tiêu chí đánh giá phần thi phỏng vấn gồm:

- Nhận thức, trình độ, hiểu biết chuyên môn của thí sinh về các vấn đề thuộc hoặc liên quan tới ngành dự thi (8 điểm)

- Kinh nghiệm thực tiễn của thí sinh trong quá trình làm công tác liên quan đến ngành dự thi (5 điểm)

- Động cơ theo học chương trình/lựa chọn ngành phù hợp định hướng công việc tương lai (3 điểm)

- Khả năng phân hồi, tư duy giải quyết vấn đề, tình huống đưa ra trong cuộc phỏng vấn (3 điểm)

- Khả năng nắm bắt kiến thức chuyên môn và vận dụng vào thực tế (5 điểm)

- Phong cách của thí sinh trong buổi phỏng vấn: sự tự tin, chuẩn bị cho buổi phỏng vấn (1 điểm)

4.6. Tổ chức xét tuyển

Tuyển sinh theo phương thức xét tuyển gồm ba bước: thẩm định hồ sơ, viết bài xử lý tình huống và phỏng vấn.

a. Công tác chuẩn bị

- Thông báo đến từng thí sinh được tham dự phần thi viết và phỏng vấn; xác nhận thời gian phỏng vấn với thí sinh;

- Gửi hướng dẫn thi phỏng vấn (thời gian, địa điểm tập hợp, quy định thi phỏng vấn, giấy tờ cần thiết, cách thức phỏng vấn) đến các thí sinh tham gia phần thi phỏng vấn;

- Lên danh sách thứ tự phỏng vấn theo thứ tự a,b,c...;

- Chuẩn bị bộ tài liệu, hồ sơ gửi tiểu ban phỏng vấn, tiểu ban đánh giá hồ sơ, bao gồm: Danh sách thí sinh tham gia phần thi phỏng vấn, bản sao hồ sơ và phiếu đánh giá thí sinh.

Thời gian biểu dự kiến như sau:

Nội dung công việc	Buổi sáng	Buổi chiều
Tập trung thí sinh vào phòng viết luận, kiểm tra thông tin thí sinh...	8h00	13h00
Bắt đầu thời gian viết luận	8h15	13h15
Kết thúc thời gian viết luận và thu bài thí sinh	09h00	14h00
<i>Thí sinh nghỉ giải lao để chuẩn bị cho phần phỏng vấn</i>		
Lần lượt thí sinh vào phòng phỏng vấn (tối đa 20 phút)	09h15	14h15
Kết thúc buổi phỏng vấn	12h00	17h00

(Thời gian kết thúc buổi phỏng vấn có thể thay đổi tùy theo số lượng thí sinh tham gia thi).

b. Thẩm định hồ sơ

Nhận và thẩm định hồ sơ đăng ký dự tuyển theo các yêu cầu của chương trình đào tạo và các quy định của ĐHQGHN đã được phê duyệt trong đề án chương trình đào tạo. Yêu cầu và mục đích của bước này bao gồm:

- Hội đồng tuyển sinh họp và xét duyệt hồ sơ của từng ứng viên theo các tiêu chí về trình độ học vấn, kinh nghiệm công tác, các chứng chỉ bổ sung kiến thức và trình độ ngoại ngữ.

- Ứng viên đáp ứng được các yêu cầu về hồ sơ theo quy định sẽ được thông báo thời gian phỏng vấn.

c. Viết bài luận:

Tổ chức làm bài viết. Các thí sinh được yêu cầu viết một bài xử lý tình huống ngắn trong khoảng 45 phút để kiểm tra khả năng viết logic bằng tiếng Việt và đánh giá kiến thức tổng hợp, khả năng tư duy logic, phân tích, giải quyết vấn đề của thí sinh.

Các thí sinh được tập trung theo danh sách vào phòng viết luận, nhận thẻ dự thi và nghe cán bộ coi thi phổ biến quy trình tổ chức xét tuyển. Thí sinh giữ trật tự và không sử dụng các phương tiện thu, phát, truyền tin trong suốt quá trình viết luận và buổi phỏng vấn.

- Cán bộ coi thi hướng dẫn thí sinh vào phòng thi viết;
- Thí sinh làm bài viết xử lý tình huống trong khoảng thời gian là 45 phút;
- Cán bộ coi thi kí xác nhận vào bài thi của thí sinh, thu bài sau khi kết thúc thời gian thi. Tất cả bài thi được kiểm đếm khớp với số thí sinh, niêm phong và chuyển cho Thư kí hành chính.
- Thư ký hành chính nhận túi bài thi, kiểm tra thông tin theo danh sách được giao và kí nhận với cán bộ coi thi.
- Bài thi được bảo quản tại tủ lưu trữ tài liệu của Phòng Sau đại học (có dán tem niêm phong) và bàn giao cho Trung tâm đảm bảo chất lượng và Khảo thí xử lý theo đúng quy trình ngay ngày làm việc tiếp theo.
- Kết quả của bài thi được Trung tâm đảm bảo chất lượng và Khảo thí tổng hợp và giao cho Tiểu ban phỏng vấn. Tiểu ban phỏng vấn ghi điểm thi của bài viết xử lý tình huống vào phiếu đánh giá thí sinh.

Ghi chú: Điểm sẽ được làm tròn và có lẻ đến một chữ số thập phân.

d. Phỏng vấn

Kết thúc phần thi viết, thí sinh sẽ được mời sang phòng phỏng vấn. Việc phỏng vấn được thực hiện bởi Tiểu ban phỏng vấn.

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký dự thi và các thông tin thí sinh cung cấp, Hội đồng sẽ phỏng vấn nhằm kiểm tra kinh nghiệm và đánh giá kiến thức chuyên môn, khả năng xử lý tình huống, động cơ và năng lực học tập của thí sinh.

- Thí sinh được gọi từ phòng thi viết luận sang phòng phỏng vấn, mang theo thẻ dự thi, ngồi tại ghế chờ dành cho thí sinh kế tiếp ngoài phòng phỏng vấn. Thí sinh thực hiện phỏng vấn khi thí sinh trước đã kết thúc và được Thư ký hành chính gọi tên.

- Mỗi bàn phỏng vấn thí sinh có 03 thành viên của Tiểu ban phỏng vấn, bao gồm các giảng viên, chuyên gia trong và ngoài Trường Quốc tế, ĐHQGHN.

- Thư ký hành chính kiểm tra lại thẻ dự thi của thí sinh, Tiểu ban phỏng vấn tiến hành hỏi/đáp với thí sinh, chấm điểm vào phiếu đánh giá. Mỗi thành viên của Tiểu ban phỏng vấn có một phiếu đánh giá riêng cho từng thí sinh.

- Sau khi kết thúc buổi phỏng vấn, các thành viên của Tiểu ban phỏng vấn thống nhất điểm cho mỗi thí sinh và ghi điểm vào bảng điểm tổng hợp.

Thư ký hành chính chuẩn bị bảng điểm tổng hợp, trình Trưởng ban-Tiểu ban phỏng vấn kí, niêm phong và bàn giao cho đại diện Ban thư ký trình Hội đồng tuyển sinh.

Ghi chú: Điểm sẽ được làm tròn và có lẻ đến một chữ số thập phân.

4.7. Kết quả xét tuyển

Căn cứ kết quả tổng hợp gồm: (a) kết quả đánh giá hồ sơ, (b) kết quả bài thi viết, và (c) kết quả phỏng vấn kèm đề xuất của Ban Thư ký (nếu có), Hội đồng tuyển sinh sau đại học tổ chức họp để xét điểm trúng tuyển và đề nghị ĐHQGHN phê duyệt.

Ghi chú: Điểm sẽ được làm tròn và có lẻ đến một chữ số thập phân.

4.8. Tiêu chí đánh giá

- Tiêu chí đánh giá thí sinh được thực hiện bởi Hội đồng tuyển sinh sau đại học và Hội đồng chuyên môn, là các giảng viên và chuyên gia có trình độ tiến sĩ trở lên, kiến thức chuyên sâu về Tài chính Ngân hàng và Quản trị kinh doanh, Tin học và kỹ thuật máy tính, đang làm việc trong ĐHQGHN, các đối tác của Trường Quốc tế và các Trường đại học khác của Việt Nam.

- Việc đánh giá thí sinh được thực hiện trực tiếp bởi Thành viên của Tiểu ban phỏng vấn thông qua việc xem xét hồ sơ, bài thi viết của thí sinh và phỏng vấn trực tiếp với thí sinh, Quá trình đánh giá thí sinh dự tuyển theo các bước và tiêu chí (cụ thể trong bảng phụ lục đính kèm).

- Thang điểm: Điểm đánh giá tối đa: 100 điểm

- Điểm tối thiểu được xét tuyển 50/100 điểm

3.2 . Kỷ luật tuyển sinh

Thí sinh, cán bộ, giám khảo có trách nhiệm thực hiện theo đúng các quy định của HĐTS và các quy chế tuyển sinh của ĐHQGHN, Bộ GD&ĐT. Cán bộ vi phạm quy định về công tác tuyển sinh sẽ bị xử lý kỷ luật theo đúng các quy định hiện hành.

**Phụ lục 1. Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương
Bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	Aptis (Hội đồng Anh)	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)	VSTEP.3-5 (6.0)

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục 2

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

1. Chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận				
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√			
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√				
7.	ĐH Thái Nguyên	√				
8.	Trường ĐH Cần Thơ	√				
9.	Trường ĐH Vinh	√				
10.	Học viện An ninh nhân dân	√				

(*) Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh: các cơ sở đào tạo có số thứ tự từ 1 đến 8 được cấp từ ngày 15/5/2019, các cơ sở đào tạo còn lại được cấp từ ngày 08/5/2021.

2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√		
2.	British Council (BC)	√				√
3.	International Development Program (IDP)	√				
4.	Cambridge ESOL	√			√	

Phụ lục 3. Phiếu đánh giá hồ sơ thí sinh dùng cho chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Tài chính/ Kinh doanh quốc tế/Tin học và kỹ thuật máy tính

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngàytháng.....năm 2022

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THÍ SINH

Chương trình:.....

Họ và tên thí sinh:.....

Số CMND/CCCD/HỘ CHIẾU:.....

Ngày sinh:

Nơi sinh:.....

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của thí sinh
1	Đánh giá hồ sơ	30	
	Tiêu chí đánh giá quá trình đào tạo	15	
	Tiêu chí kinh nghiệm công tác	5	
	Tiêu chí ngoại ngữ	10	
TỔNG CỘNG		30	30

TIỂU BAN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THÍ SINH

Chương trình:.....

Họ và tên thí sinh:.....

Số CMND/CCCD/HỘ CHIẾU:.....

Ngày sinh:

Nơi sinh:.....

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của thí sinh
1	Đánh giá hồ sơ	30	
	Tiêu chí đánh giá quá trình đào tạo	15	
	Tiêu chí kinh nghiệm công tác	5	
	Tiêu chí ngoại ngữ	10	
TỔNG CỘNG		30	30

TIÊU BAN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ

TRƯỞNG BAN:

ỦY VIÊN:

THƯ KÝ:

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THÍ SINH
Chuyên ngành đào tạo

(kèm theo biên bản họp đánh giá hồ sơ ngày ... tháng...năm ... của tiểu ban ...)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm (thang điểm 30)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
....				

Tổng số hồ sơ:

Thư ký Tiểu ban
(ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Tiểu ban
(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4. Phiếu đánh giá viết luận và phỏng vấn thí sinh dùng cho chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Tài chính/ Kinh doanh quốc tế/ Tin học và kỹ thuật máy tính

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngàytháng.....năm 2022

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHỎNG VẤN

Chương trình:.....

Họ và tên thí sinh:.....

Số CMND/CCCD/HỘ CHIẾU:.....

Ngày sinh:

Nơi sinh:.....

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của thí sinh
1	Nhận thức, trình độ, hiểu biết chuyên môn của thí sinh về các vấn đề thuộc hoặc liên quan tới chương trình dự tuyển	8	
2	Kinh nghiệm thực tiễn của thí sinh trong quá trình làm công tác thuộc hoặc liên quan tới chương trình dự tuyển tại các tổ chức, doanh nghiệp	5	
3	Động cơ theo học chương trình/ lựa chọn ngành phù hợp định hướng công việc tương lai	3	
4	Khả năng nắm bắt kiến thức chuyên môn và vận dụng vào thực tế	3	
5	Khả năng phân hồi, tư duy giải quyết vấn đề, tình huống đưa ra trong cuộc phỏng vấn	5	
6	Phong cách của thí sinh trong buổi phỏng vấn: sự tự tin, chuẩn bị cho buổi phỏng vấn.	1	
TỔNG CỘNG		25	

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG PHỎNG VẤN

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHÒNG VẤN

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngàytháng.....năm 2022
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngàytháng.....năm 2022

Chương trình:.....

Họ và tên thí sinh:.....

Số CMND/CCCD/HỘ CHIẾU:.....

Ngày sinh:

Nơi sinh:.....

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của thí sinh
1	Nhận thức, trình độ, hiểu biết chuyên môn của thí sinh về các vấn đề thuộc hoặc liên quan tới chương trình dự tuyển	8	
2	Kinh nghiệm thực tiễn của thí sinh trong quá trình làm công tác thuộc hoặc liên quan tới chương trình dự tuyển tại các tổ chức, doanh nghiệp	5	
3	Động cơ theo học chương trình/ lựa chọn ngành phù hợp định hướng công việc tương lai	3	
4	Khả năng nắm bắt kiến thức chuyên môn và vận dụng vào thực tế	3	
5	Khả năng phản hồi, tư duy giải quyết vấn đề, tình huống đưa ra trong cuộc phỏng vấn	5	
6	Phong cách của thí sinh trong buổi phỏng vấn: sự tự tin, chuẩn bị cho buổi phỏng vấn.	1	
TỔNG CỘNG		25	

THƯ KÝ

TRƯỞNG TIỂU BAN PHÒNG VẤN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngàytháng.....năm 2022

**Phụ lục 5. Phiếu đánh giá thí sinh dùng cho chương trình Thạc sĩ chuyên ngành
Quản trị Tài chính/ Kinh doanh quốc tế/ Tin học và kỹ thuật máy tính**

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THÍ SINH

Chương trình:.....

Họ và tên thí sinh:.....

Số CMND/CCCD/HỘ CHIẾU:.....

Ngày sinh:

Nơi sinh:.....

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của thí sinh
1	Đánh giá hồ sơ	30	
	Tiêu chí đánh giá quá trình đào tạo	15	
	Tiêu chí kinh nghiệm công tác	5	
	Tiêu chí ngoại ngữ	10	
2	Bài viết xử lý tình huống	45	
	Kiến thức chuyên môn về chương trình dự tuyển	20	
	Kiến thức thực tiễn, kinh nghiệm của thí sinh thể hiện trong bài viết	12	
	Cách xử lý tình huống đưa ra trong phần thi luận	9	
	Cách trình bày bài luận logic, hợp lý	4	
3	Phỏng vấn	25	
	Nhận thức, trình độ, hiểu biết chuyên môn của thí sinh về các vấn đề thuộc hoặc liên quan tới chương trình dự tuyển	8	
	Kinh nghiệm thực tiễn của thí sinh trong quá trình làm công tác thuộc hoặc liên quan tới chương trình dự tuyển tại các tổ chức, doanh nghiệp	5	
	Động cơ theo học chương trình/ lựa chọn ngành phù hợp định hướng công việc tương lai	3	
	Khả năng nắm bắt kiến thức chuyên môn và vận dụng vào thực tế	3	
	Khả năng phản hồi, tư duy giải quyết vấn đề, tình huống đưa ra trong cuộc phỏng vấn	5	
Phong cách của thí sinh trong buổi phỏng vấn: sự tự tin, chuẩn bị cho buổi phỏng vấn.	1		
TỔNG CỘNG		100	

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**